

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH B PHƯỚC**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH B PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Ngọc Linh

2. Bà Phan Thị Vui

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị B, sinh năm 1986 (Có mặt).

Trú tại: Tổ 4, ấp Phú Miêng, xã Tân Lợi, huyện Hón Quản, tỉnh B Phước.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1987 (Có mặt).

Trú tại: Tổ 4, ấp Phú Miêng, xã Tân Lợi, huyện Hón Quản, tỉnh B Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị B trình bày:

Chị B và anh Lê Văn T sau thời gian tìm hiểu tự nguyện sống chung từ năm 2004, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện B Long (nay là huyện Hón Quản), tỉnh B Phước. Được sự đồng ý của hai bên gia đình và vợ chồng có tổ chức lễ cưới và Sau khi kết hôn chị B và anh T sinh sống tại ấp Phú Miêng, xã Tân Lợi, huyện Hón Quản, tỉnh B Phước cho đến nay. Quá trình

chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T hay ăn nhậu, về nhà chửi bới, đánh đập vợ con, ngoài ra vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, hai bên gia đình cũng có khuyên ngăn để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng anh T vẫn không thay đổi chứng nào tật đó, nên đến đầu năm 2022 chị B bỏ về nhà mẹ đẻ chị B sinh sống từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến ai, chị B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chị B làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T để ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Minh Tình, sinh năm 2006; Cháu Lê Minh Nghĩa, sinh năm 2014; Khi ly hôn chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cháu Tình và cháu Nghĩa.

Về cấp dưỡng: Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung : Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, anh T thừa nhận cũng có uống rượu nhưng thỉnh thoảng anh có uống nhưng chỉ uống rượu vào những ngày lễ tết, ngoài ra do vợ hay cản nhần việc anh có uống rượu nên có tát chị B một cái, quá trình chung sống vợ chồng anh vẫn chăm lo cho vợ con đi làm về vẫn đưa tiền cho vợ, trong cuộc sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhỏ nên đến đầu năm 2022 chị B bỏ về nhà mẹ đẻ của chị B sinh sống, quá trình vợ chồng sống ly thân, anh T vẫn thường xuyên gặp chị B để năn nỉ chị B về nhà để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị B không đồng ý, anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng anh vẫn còn thương yêu chị B nên chị B yêu cầu ly hôn thì anh T không đồng ý.

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của chị B, anh và chị B có 02 con chung tên Lê Minh Tình, sinh năm 2006; Cháu Lê Minh Nghĩa, sinh năm 2014, nếu trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B thì anh đồng ý giao 02 con chung cháu Tình và cháu Nghĩa cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung :Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, có đủ căn cứ xác định tình cảm giữa chị B và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung cho chị B nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do chị B không yêu cầu nên chưa xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên chưa xem xét

Về nợ chung : Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Chị Trịnh Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T, anh T có nơi cư trú ấp Phú Miêng, xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh B Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh B Phước

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị B và anh Lê Văn T sau thời gian tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau vào năm 2004, đến năm 2009 chị B, anh T có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện B Long (nay là huyện Hớn Quản), tỉnh B Phước; chị B và anh T có tổ chức lễ cưới, được sự đồng ý của hai bên gia đình, khi chung sống hai bên đã đủ tuổi kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị B trình bày nguyên nhân mâu thuẫn chính để chị B yêu cầu xin ly hôn với anh T là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà chửi bới đánh đập vợ con, sự việc này anh T cũng thừa nhận. Đồng thời hai vợ chồng đã sống lý thân, anh T đã nhiều lần hàn gắn nhưng chị B không đồng ý đoàn tụ, tại đơn cam kết giữa chị B và anh T có thể hiện, anh T cam kết không uống rượu, không đánh vợ, yêu thương vợ con mình, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ những mâu thuẫn trên cho thấy tình cảm giữa hai vợ chồng thực sự đã mâu thuẫn trầm trọng. Nên yêu cầu ly của chị B với anh T là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị B và anh T có 02 con chung Lê Minh Tình, sinh năm 2006; Cháu Lê Minh Nghĩa, sinh năm 2014, nay ly hôn chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung cháu Tình và cháu Nghĩa, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu Tình và cháu Nghĩa muốn được ở với chị B. Đây là sự thỏa thuận của các đương sự không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do Chị B chưa yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung : Các đương sự tự thỏa thuận với nhau chưa yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ pháp luật, nên được Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 217 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trịnh Thị B.

Chị Trịnh Thị B được ly hôn với anh Lê Văn T (Đã đăng ký giấy chứng nhận kết hôn số 39/2009 ngày 23/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện B Long (Nay là huyện Hớn Quản), tỉnh B Phước cấp).

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Minh Tình, sinh năm 2006; cháu Lê Minh Nghĩa, sinh năm 2014 cho chị Trịnh Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị B chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung : Các đương sự tự thỏa thuận với nhau chưa yêu cầu Tòa án giải quyết

4 Về nợ chung: Các đương sự khai không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013893 ngày 07/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh B Phước.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B Phước
- VKSND H. Hớn Quản;
- Chi cục THADS H. Hớn Quản;
- UBND xã Tân Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Hồ Văn Thanh

